CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Tập đoàn Đạt Phương

Ngày 31/03/2024	46,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	11.7%	**18.4%**	**24.7%**

DT thuần
Q1/24
426
tỷ VNĐ
QoQ: ▼997| -70.1%
YoY: ▲ 35.0| 8.9%

LN thuần
Q1/24
80.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼60.4| -42.8%
YoY: ▼5.90| -6.8%

LN sau thuế
Q1/24
77.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼43.2| -35.7%
YoY: ▼5.10| -6.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
26.0%
YoY: +/-▲ 13.7%

ROE (TTM)
Q1/24
8.9%
YoY: +/-▼ 0.3%

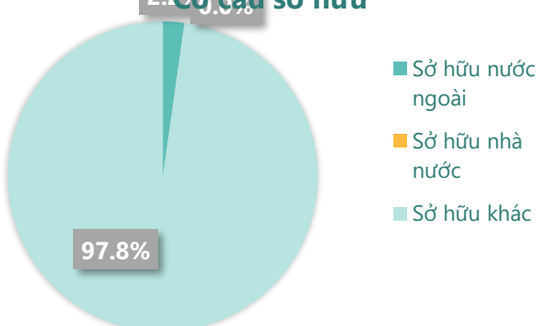
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	27,482 - 46,850
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,923
Số lượng CPLH (CP)	62,999,554
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,191,730
Sở hữu nước ngoài	2.2%
Beta	1.34
EPS	3,318
P/E	14.0

DT thuần
2023
3,450
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 131| 3.9%

LN thuần
2023
318
tỷ VNĐ
YoY: ▼267| -45.7%

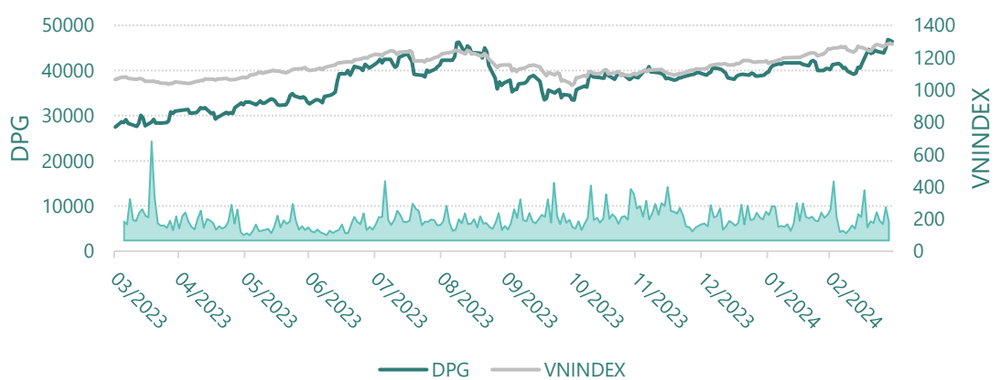
LN sau thuế
2023
283
tỷ VNĐ
YoY: ▼236| -45.6%

Cơ cấu sở hữu

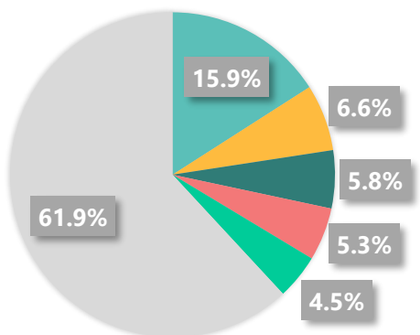


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

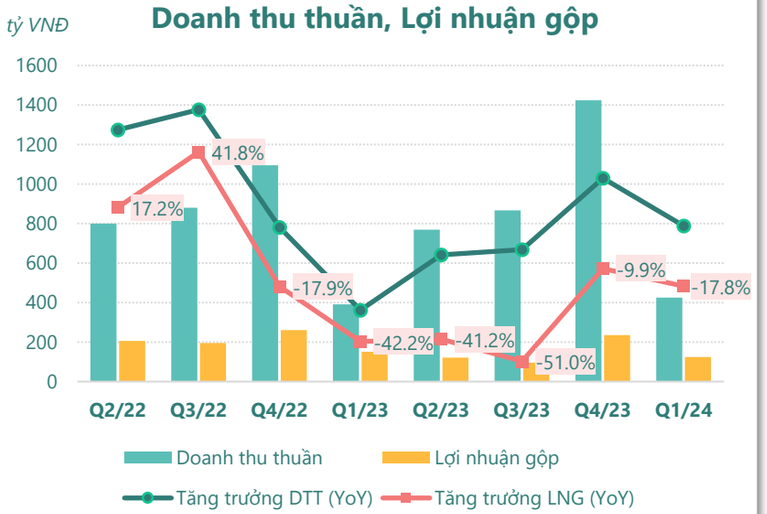


Lương Minh Tuấn (Chủ tịch HĐQT)
Phạm Kim Châu (Phó Tổng giám đốc)
Trần Anh Tuấn (Tổng giám đốc)
Lương Thị Thanh
Trần Thị Thúy Hằng
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

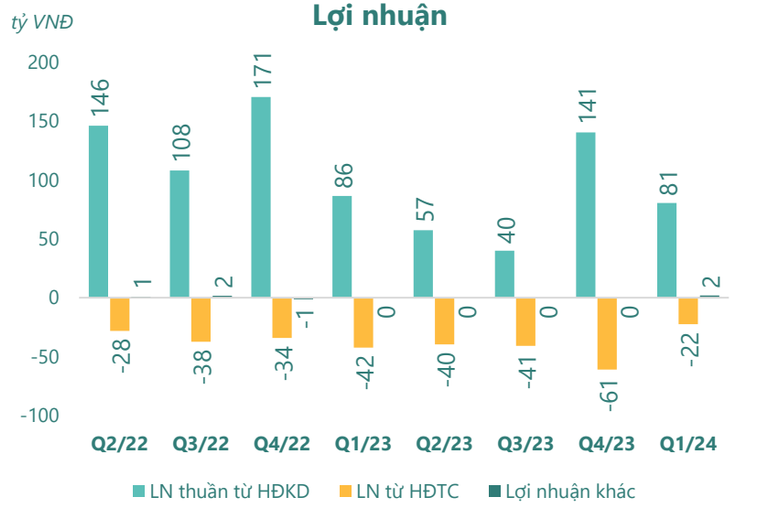
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



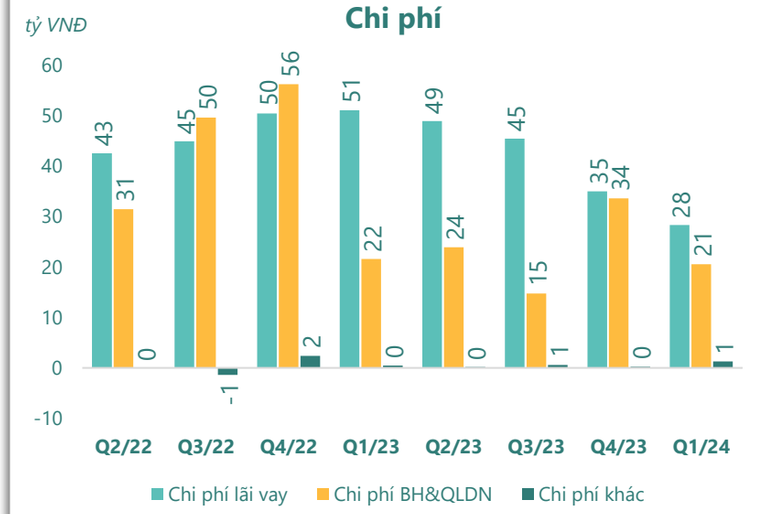
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



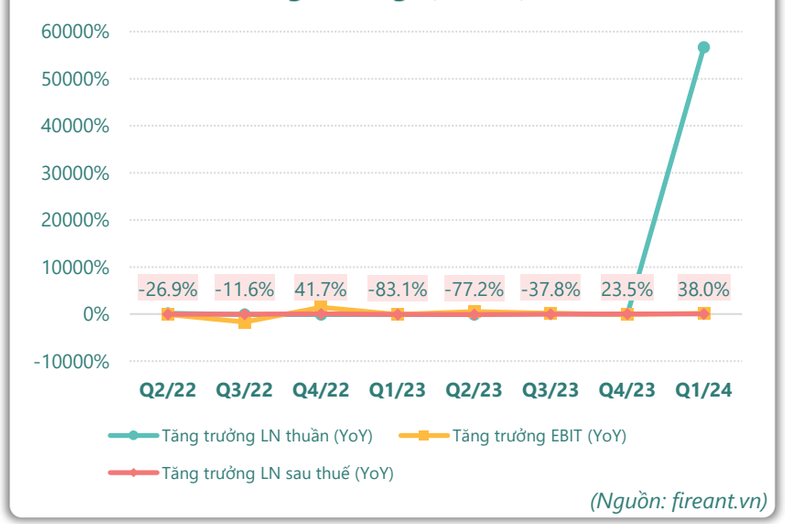
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



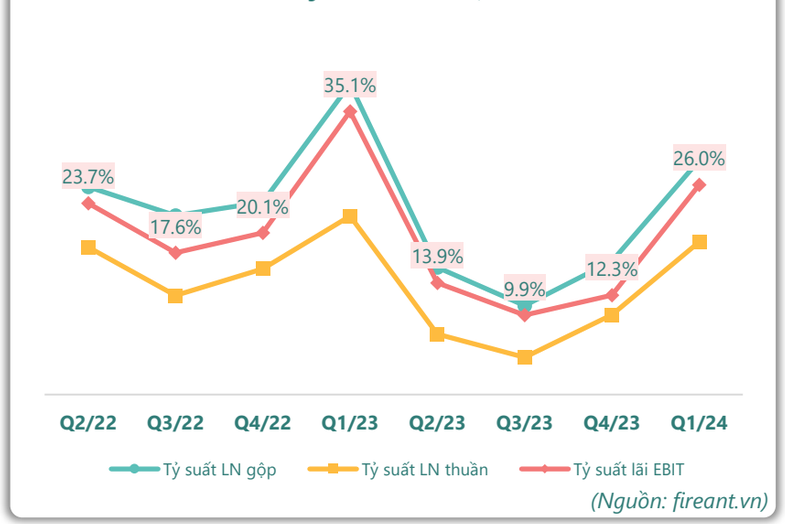
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



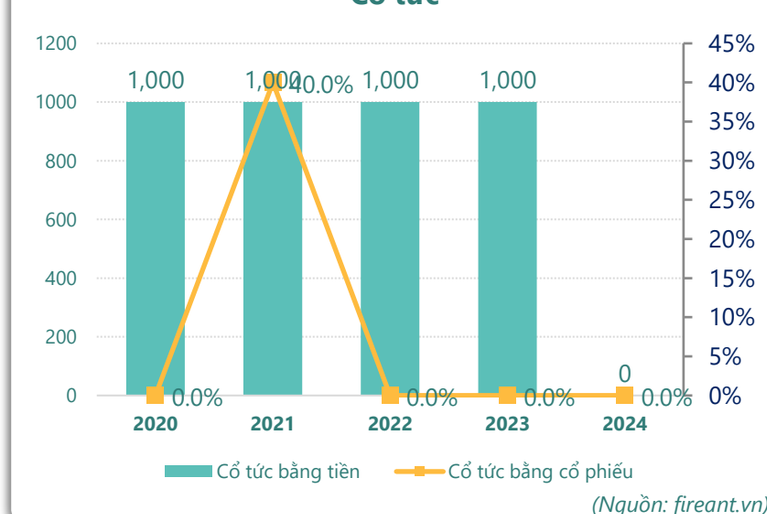
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

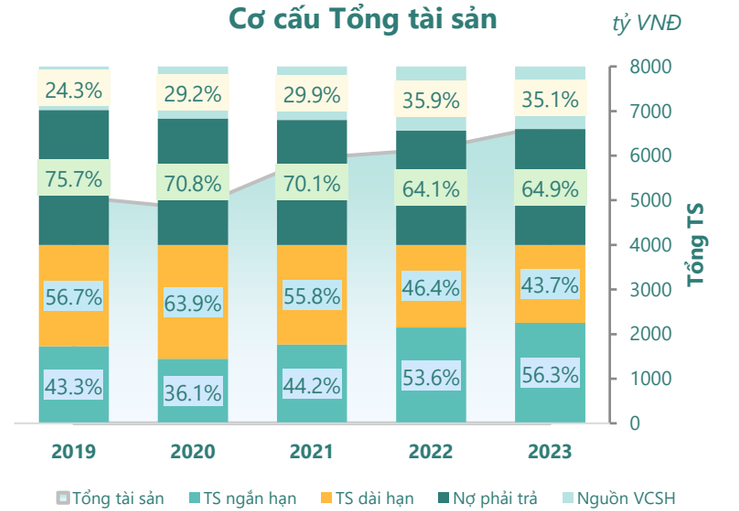
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

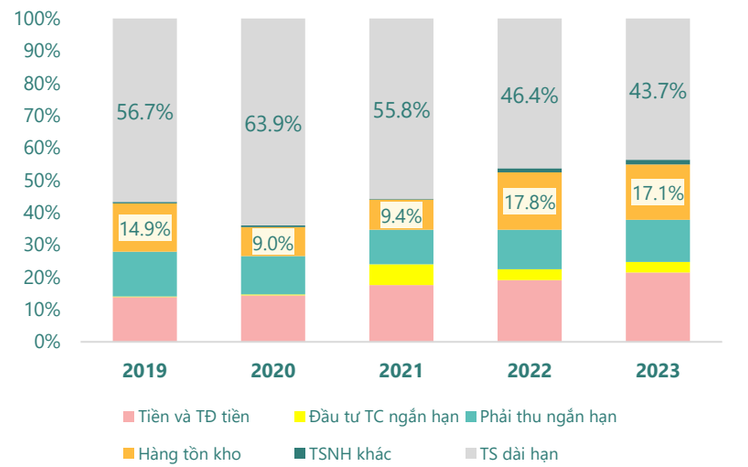
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



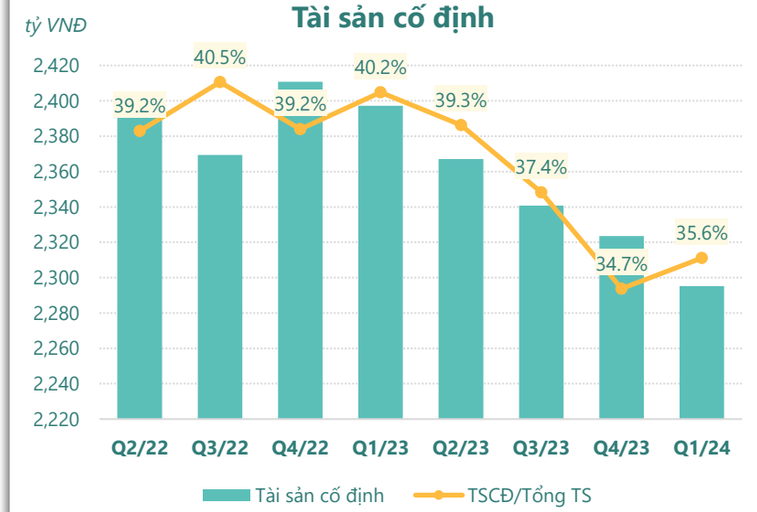
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



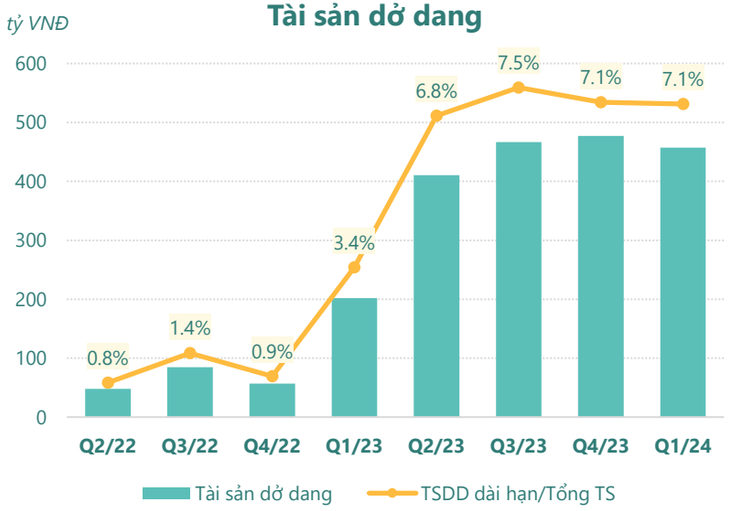
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



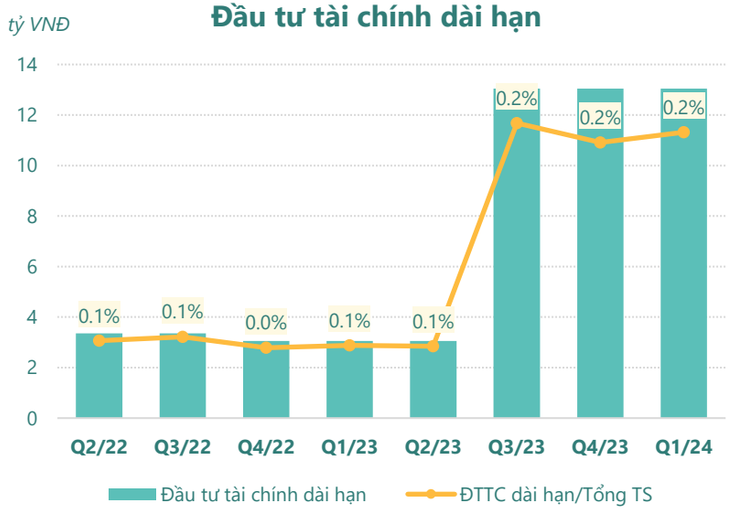
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



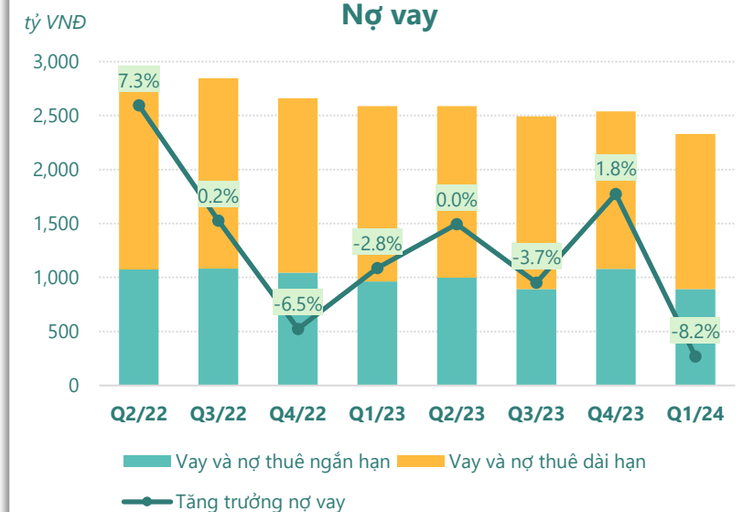
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

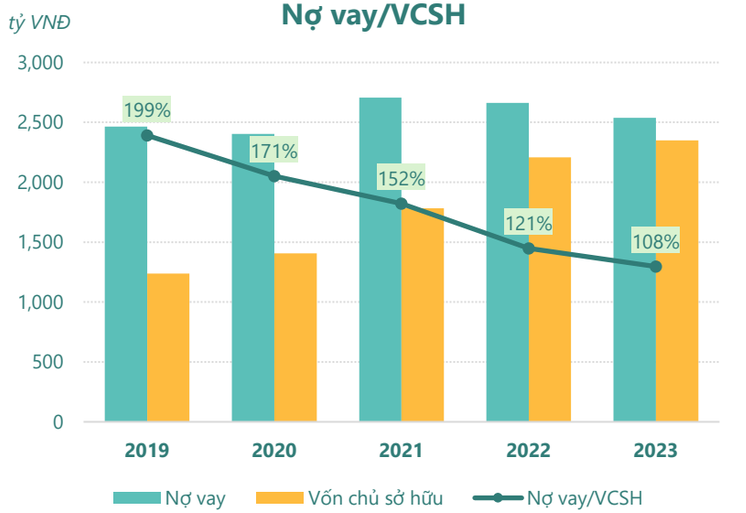
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

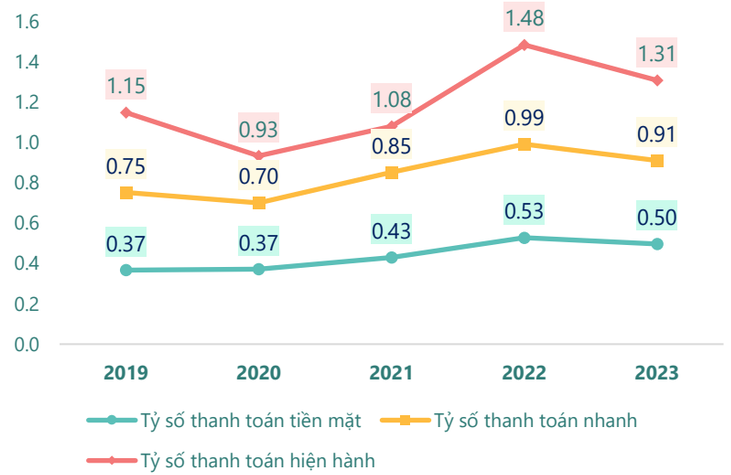
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



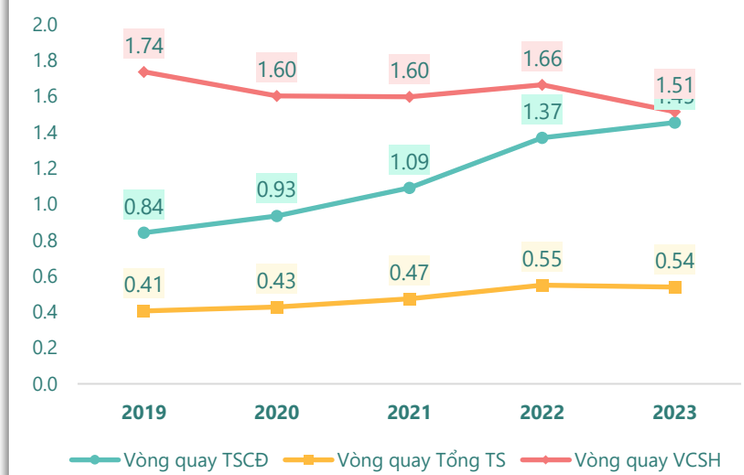
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



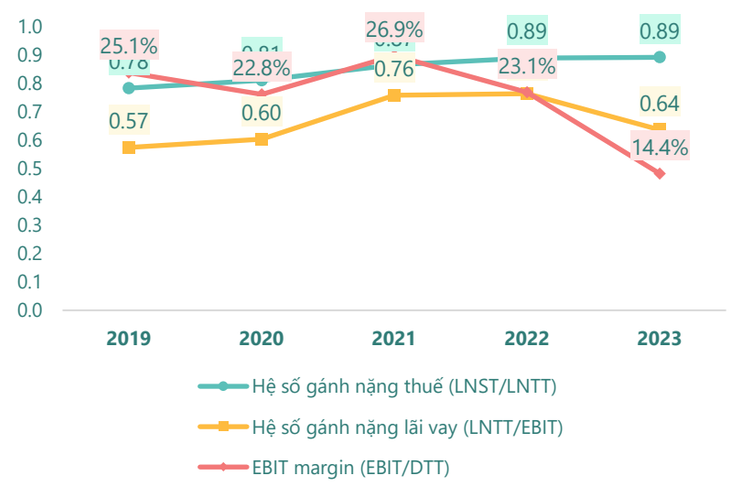
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



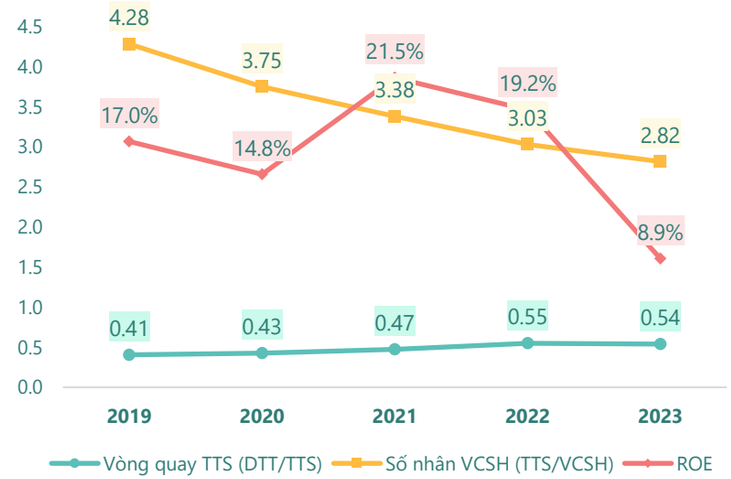
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



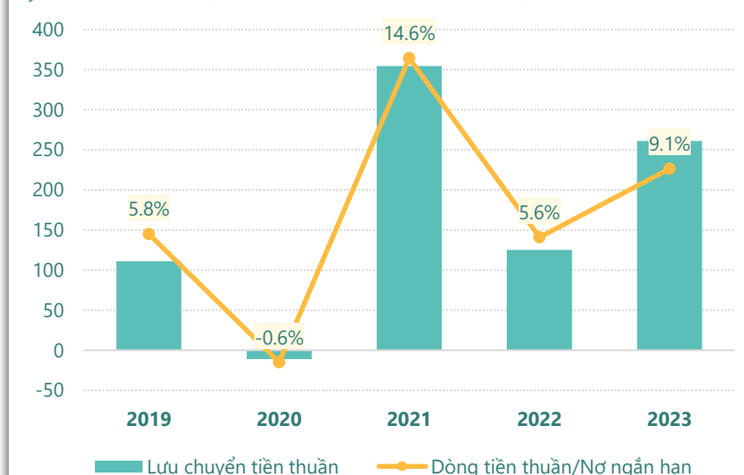
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**426**	**391**	**8.9%**	**3,450**	**3,319**	**3.9%**
Giá vốn hàng bán	302	240	25.9%	2,865	2,398	19.5%
Lợi nhuận gộp	124	150	-17.5%	585	921	-36.5%
Doanh thu HĐTC	6.96	8.79	-20.8%	28.4	36.1	-21.3%
Chi phí TC	29.5	51.1	-42.4%	201	182	10.6%
Chi phí lãi vay	28.3	51.1	-44.6%	181	181	0.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.32	3.20	-89.9%	9.83	100.0	-90.2%
Chi phí QLDN	**20.3**	**18.4**	**10.1%**	**84.7**	**90.5**	**-6.4%**
LN thuần từ HĐKD	80.6	86.5	-6.8%	318	585	-45.7%
Lợi nhuận khác	**1.78**	**-0.46**	**487%**	**-0.67**	**-0.86**	**22.2%**
LN trước thuế	82.4	86.0	-4.2%	317	584	-45.7%
Lợi nhuận sau thuế	**77.8**	**82.9**	**-6.1%**	**283**	**519**	**-45.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**52.4**	**52.2**	**0.4%**	**203**	**383**	**-47.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	597	-459	200	240	528	-498
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	28.3	-13.4	-85.2	-50.9	-20.5	259
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-185	-73.3	-66.1	-125	26.6	-176
Tiền đầu kỳ	731	1,171	625	673	738	1,432
Lưu chuyển tiền thuần	**440**	**-546**	**48.3**	**64.6**	**534**	**-414**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,171	625	673	738	1,272	1,018

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,456**	**6,689**	**-3.5%**
Tài sản ngắn hạn	3,544	3,768	-5.9%
Tiền và tương đương tiền	1,018	1,432	-28.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	76.0	220	-65.4%
Phải thu ngắn hạn	1,053	875	20.3%
Hàng tồn kho	1,287	1,145	12.4%
Tài sản ngắn hạn khác	111	96.5	15.0%
Tài sản dài hạn	**2,912**	**2,921**	**-0.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2,295	2,324	-1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	457	437	4.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	13.0	13.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**146**	**148**	**-1.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,006	4,340	-7.7%
Nợ ngắn hạn	**2,567**	**2,880**	**-10.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	893	1,080	-17.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	209	380	-44.9%
Nợ dài hạn	1,439	1,460	-1.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,437	1,458	-1.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,450**	**2,350**	**4.3%**
Vốn chủ sở hữu	**2,450**	**2,350**	**4.3%**
Vốn điều lệ	630	630	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)